



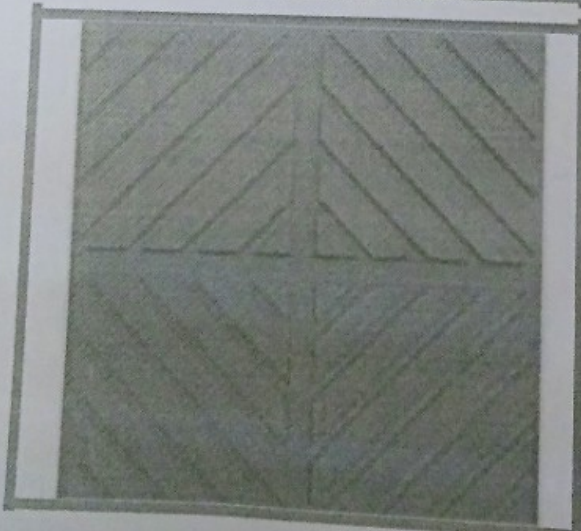
CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BẢ HIÊN
Xã Bả Hiên, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.
ĐT: 02113888666 Fax: 02113888506 Website: viglacerabahien.com

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2018

THÔNG TIN CHUNG

- ♦ Tổng quan
- ♦ Thông tin khái quát
- ♦ Ngành nghề hoạt động kinh doanh
- ♦ Địa bàn hoạt động kinh doanh
- ♦ Sơ đồ quản lý công ty
- ♦ Quá trình hình thành và phát triển
- ♦ Rủi ro



Báo cáo thường niên năm 2018

1. TỔNG QUAN

Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến tiền thân là nhà máy gạch Bá Hiến thuộc Công ty Gốm Xây dựng Xuân Hòa trực thuộc Tổng Công ty Thủy Tinh và Gốm Xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera – CTCP) được chuyển thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty sản xuất hàng chục mặt hàng với nhiều sản phẩm gạch, ngói từ đất sét nung, phong phú dạng, mẫu mã đẹp, giá thành hợp lý, đã làm hài lòng người tiêu dùng trong cả nước. Sản phẩm của công ty đã tiếp cận được nhiều thị trường vùng cao và Miền Trung, Công ty tiếp tục mở rộng đầu tư và phát triển.



2. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÀ HIẾN
Vốn điều lệ	10.000.130.000 VND
Trụ sở chính	Xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc
Điện thoại	02113888666
Fax	02113888506
Website	Viglacerabahien.com
Giấy chứng nhận ĐKKD	2500222558
Mã cổ phiếu	BHV

3. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH CỦA CÔNG TY

Quá trình hình thành và phát triển.

Công ty Cổ phần Bá Hiến Viglacera tiền thân là Nhà máy gạch Bá Hiến, một đơn vị của Công ty Gốm xây dựng Xuân Hoà thuộc Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm Xây dựng, được tách ra và cổ phần hoá theo quyết định số 1105/QĐ - BXD ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần, với chỉ đạo sát sao và quyết liệt của Đảng bộ và Ban Giám đốc cũng như nỗ lực không ngừng của tập thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Bá Hiến Viglacera đã và đang đạt được sự phát triển bền vững, không ngừng nâng cao đời sống cho người lao động và gia tăng giá trị doanh nghiệp của cổ đông. Công ty đã được Tổng Cục Đo lường - Tiêu chuẩn chất lượng Việt Nam trao tặng giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2004, khẳng định chính sách chất lượng nhất quán của Công ty.

Tháng 08/2006, Công ty dùng tiền từ Quỹ đầu tư phát triển để mua lại cổ phiếu của một số cán bộ công viên trong Công ty được mua ưu đãi theo khoản 1 Điều 27 chương IV Nghị định số 64/2002/NĐ-CP ngày 19/06/2002. Công ty đã chính thức niêm yết 900.000 cổ phiếu trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội từ ngày 22/11/2006 theo Quyết định số 18/QĐ-TTGDHN ngày 18/10/2006 của Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội

Năm 2009, Công ty tăng vốn điều lệ từ 9.000.000.000đ lên thành 10.000.130.000đ, và niêm yết bổ sung trên trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội 1.000.013 cổ phiếu

Ngày 20/05/2014, Công ty tiến hành hủy niêm yết theo Quyết định số 194/QĐ-SGDHN ngày 22 tháng 04 năm 2014 của Sở GDCK Hà Nội.

Từ một nhà máy sản xuất các loại sản phẩm chính như: Gạch xây R60, gạch NT200 có giá trị thấp, chi phí về tiền lương, nguyên nhiên liệu cao; cơ cấu sản phẩm đã thay đổi sang sản xuất các loại sản phẩm có giá trị cao như: NT250, NT300, ngói 22v/m², ngói hài

Sau khi cải tạo lò nung số 2 từ nung gạch xây sang nung Ngói 22v/m². Tháng 4/2006, Công ty đã tiếp tục cải tạo lò nung số 3, nâng công suất sản xuất Ngói 22v/m² lên 2 triệu v/năm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về sản phẩm ngói của thị trường.

Thị phần của Công ty ngày càng mở rộng, từ một thương hiệu ít ai biết tới, đến nay sản phẩm của công ty đã được giới thiệu và bán trên các khu vực: Miền Bắc và Miền Trung.

Bằng những kinh nghiệm thực tiễn, Công ty đã tư vấn, chuyển giao công nghệ cho một số Công ty kinh doanh sản xuất vật liệu xây dựng như: Công ty Cổ phần Xây dựng vật liệu Văn Giang, Công ty TNHH khoáng sản Hà Nam, Công ty Cổ phần Kênh Cầu, Công ty Cổ phần gạch Tuynel Phan Thiết...

Quá trình tăng vốn điều lệ:

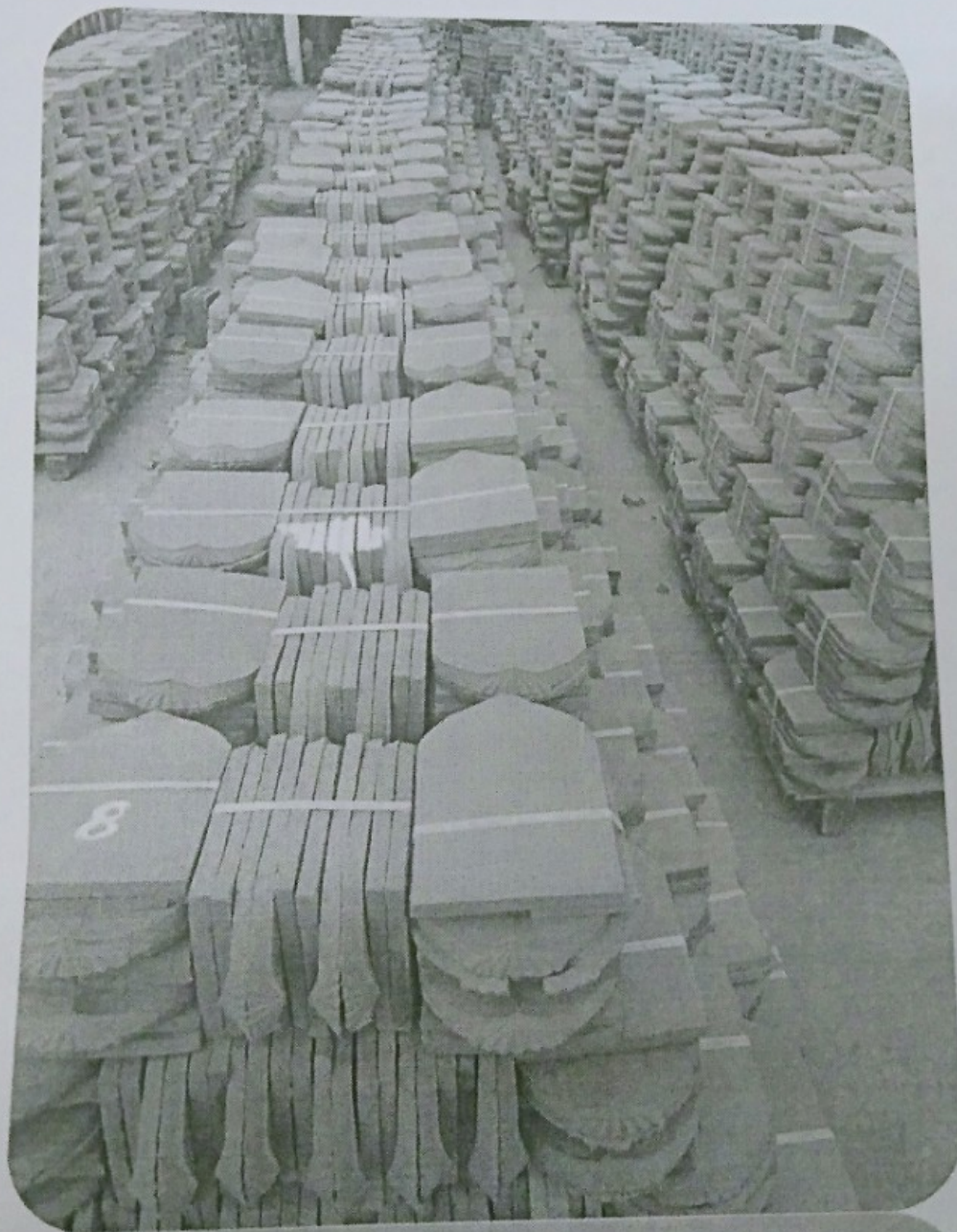
Bảng 2: Quá trình tăng vốn điều lệ

Thời điểm	Vốn điều lệ	Giá trị vốn tăng thêm	Hình thức tăng	Căn cứ
2009	9.000.000.000	1.000.130.000	Góp vốn từ cổ đông hiện hữu	Giấy chứng nhận ĐKK số 2500222558 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 08/05/2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp



NGÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

- ✓ Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét nung;
- ✓ Khai thác, gia công, chế biến nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất vật liệu xây dựng;
- ✓ Tư vấn chuyên gia công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng;
- ✓ Mua bán máy móc thiết bị phụ tùng thay thế;
- ✓ Xây dựng kinh doanh các công trình dân dụng, công nghiệp;
- ✓ Đại lý mua bán xăng dầu;
- ✓ Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe ô tô tải;
- ✓ Mua bán vật liệu xây dựng;
- ✓ Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh theo quy định hiện hành của Nhà Nước;



ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

3.1. Trụ sở chính của Công ty

Xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

3.2. Vĩnh Phúc

Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến

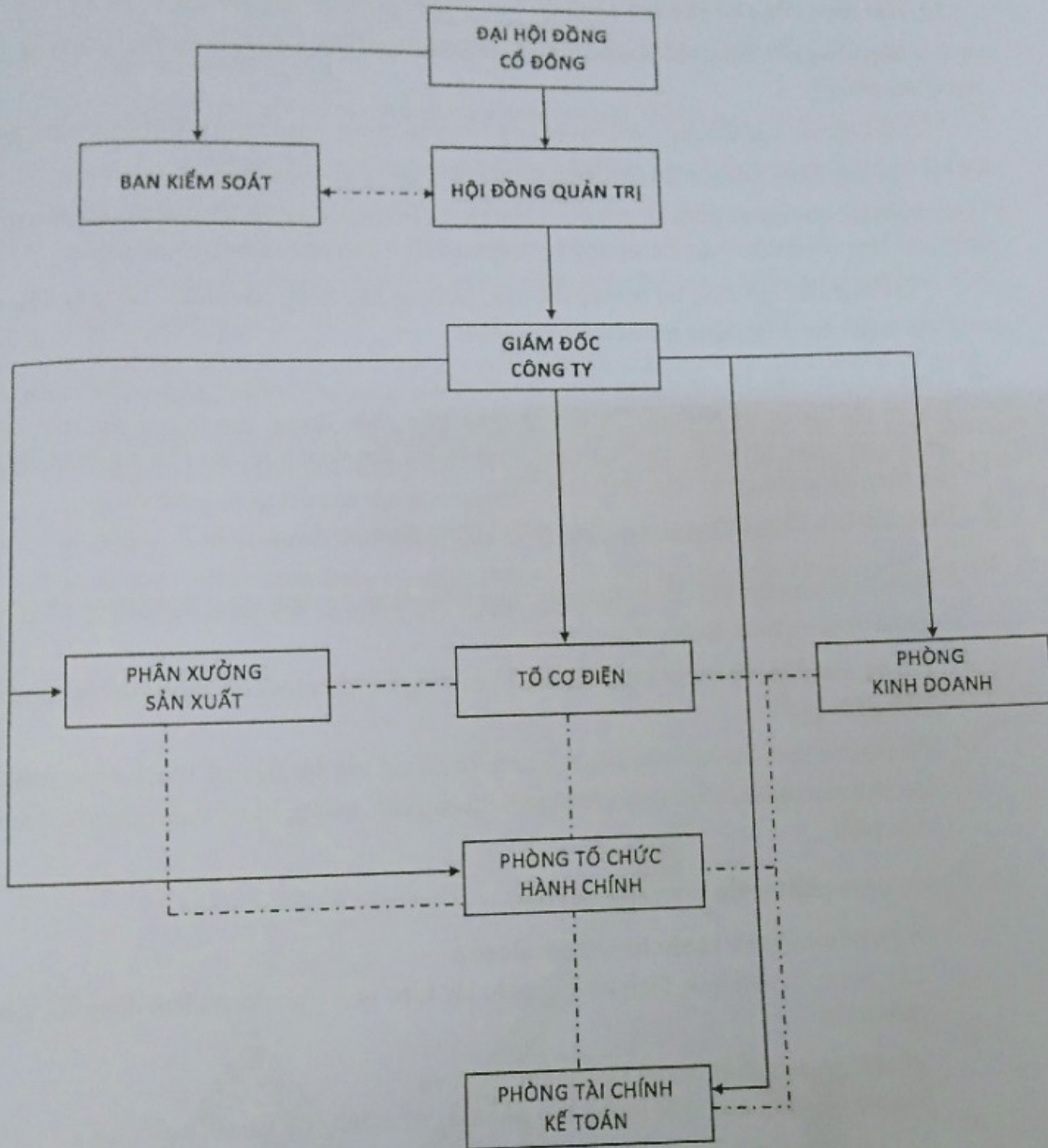
Địa chỉ: Xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc.

ĐT: 021138888666

Fax: 02113888506



4. SƠ ĐỒ QUẢN LÝ CÔNG TY



5. ĐỊNH HƯỚNG VÀ PHÁT TRIỂN

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty

- Tập trung xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả, nâng cao quy mô, năng suất và chất lượng sản phẩm;
- Liên kết với các đối tác nước ngoài hoặc mua các công nghệ sản xuất tiên tiến nhất để chế tạo các loại sản phẩm chất lượng cao hiện trong nước chưa sản xuất được
- Đào tạo, nâng cao trình độ của các khâu kỹ thuật, nghiệp vụ nhằm thiết kế, chế tạo các sản phẩm phù hợp với đòi hỏi của thị trường và đảm bảo sản xuất, kinh doanh có hiệu quả.
- Với mục tiêu mở rộng thị trường tiêu thụ, đa dạng hóa trong sản phẩm, Công ty luôn chú trọng đẩy mạnh các hoạt động marketing, bao gồm:
 - ✦ Thực hiện cơ chế khoán doanh thu đối với hệ thống các chi nhánh nhằm đẩy mạnh việc tiêu thụ và phát triển thị trường. Cụ thể: thưởng trên phần doanh thu thực hiện vượt so với kế hoạch, tính theo tỷ lệ %. Thưởng theo tỷ lệ % khi đạt doanh số thu tiền bán hàng/doanh thu bán hàng hằng tháng: từ trên 100% trở lên.
 - ✦ Thúc đẩy bán hàng thông qua hệ thống Nhà phân phối:
 - Khoán doanh thu chi tiết từng tháng, quý trên cơ sở đặc thù vùng thị trường, năng lực phân phối và mùa vụ tiêu thụ.
 - Hỗ trợ các dịch vụ trong bán hàng như vận chuyển, chăm sóc hệ thống đại lý cấp dưới của Nhà phân phối.
 - Hỗ trợ các dịch vụ sau bán hàng: bảo hành, cung cấp tài liệu kỹ thuật, công nghệ, tư vấn đặc tính sản phẩm, cách thức phân phối, quảng cáo, quảng bá có tính chất gắn liền với Nhà phân phối.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

✓ Về khẩu hiệu và chiến lược kinh doanh

Lấy phục vụ làm mục đích kinh doanh, lấy hiệu quả kinh doanh làm động lực của sự phát triển.

✓ Về chính sách chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Bảo vệ và nâng cao chất lượng sản phẩm là sứ mệnh của Doanh nghiệp.

✓ Về chính sách thị trường và bán hàng

Có chiến lược phủ kín thị trường và mở rộng mạng lưới phân phối sản phẩm đến vùng sâu, vùng xa để phục vụ kịp thời người tiêu dùng.

✓ Về tuyên truyền, quảng bá thương hiệu, sản phẩm/ dịch vụ

Có kế hoạch quảng bá trên Website của công ty.

Về đổi mới công nghệ, cải tiến kỹ thuật

- Đầu tư đổi mới máy móc, trang thiết bị hiện đại cho các dây chuyền hiện có của công ty.
- Hiện đại hóa dây chuyền sản xuất, cơ giới hóa máy móc thiết bị.
- Nâng cấp dây chuyền sản xuất gạch ngói và các sản phẩm trang trí.

- ✓ **Về chính sách đào tạo nhân lực**
 - Mở rộng đào tạo tại chỗ; gửi CBCNV đi đào tạo nâng cao;
 - Mời chuyên gia đến hướng dẫn học tập;
- ✓ **Về xây dựng văn hóa doanh nghiệp**
 - Tuyên truyền cho CBCNV chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của nước, nội quy quy chế của doanh nghiệp.
 - Tôn trọng các giá trị của doanh nghiệp (tôn trọng chất lượng sản phẩm do mình tạo ra).
 - Tác phong làm việc công nghiệp, thái độ làm việc vui vẻ, văn minh lịch sự.
 - Thực hiện tốt các quyền lợi đối với người lao động; động viên khen thưởng CBCNV kịp thời tạo động lực cho người lao động trong lao động sản xuất.
 - Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các tổ chức đoàn thể trong Doanh nghiệp hoạt động.
- ✓ **Các hoạt động khác**
 - Đối với việc bảo vệ môi trường: nghiêm chỉnh chấp hành hướng dẫn của cơ quan chức năng; trang bị những thiết bị.
 - Tích cực tham gia các hoạt động của địa phương: đóng góp đầy đủ các quỹ, thăm hỏi tặng quà cho các đối tượng CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, tích cực tham gia các hoạt động công ích của địa phương ...
 - Sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của Nhà nước.
 - Doanh nghiệp cam đoan và chịu trách nhiệm tính khách quan và xác thực của các thông tin trong Hồ sơ cũng các tài liệu kèm theo.



6. RỦI RO

6.1. Rủi ro về kinh tế

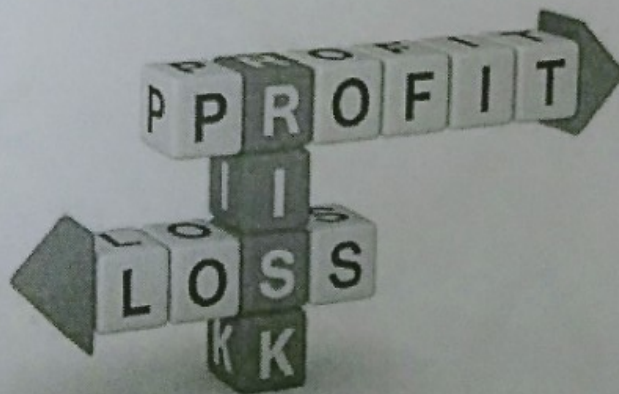
Cũng như hầu hết các ngành công nghiệp sản xuất và dịch vụ khác, sự phát triển của ngành sản xuất gạch ngói có mối quan hệ chặt chẽ với sự phát triển chung của nền kinh tế. Trong những năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam có sự tăng trưởng tương đối ổn định cùng với sự mở rộng và phát triển đa dạng các ngành nghề, chất lượng cuộc sống của người dân cũng đang được cải thiện và nâng cao đáng kể. Sự gia tăng trong nhu cầu xây dựng tạo ra nhiều cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh cho ngành sản xuất gạch ngói. Tuy nhiên, nếu nền kinh tế diễn biến theo chiều hướng không thuận lợi, tình hình hoạt động cũng như doanh thu và lợi nhuận của các công ty trong ngành có thể bị ảnh hưởng nhất định. Do vậy, công ty cần phải xem xét sự tác động từ các yếu tố này đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

6.2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các Luật khác. Luật chứng khoán mới (năm 2013) đã có hiệu lực và Luật doanh nghiệp 2015 mới được ban hành. Trong giai đoạn hoàn thiện khung pháp lý, các thay đổi của luật và văn bản luật có thể tạo ra rủi ro về luật pháp. Vì thế yêu cầu đặt ra đối với công ty là phải chú trọng nghiên cứu, cập nhật kiến thức về quá trình hội nhập cũng như môi trường pháp lý để có thể hạn chế những rủi ro trong hoạt động kinh doanh.

6.3. Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu

Là một doanh nghiệp sản xuất, sự biến động giá cả các nguyên vật liệu đầu vào có ảnh hưởng lớn tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong thời gian gần đây, giá cả nguyên liệu chính có xu hướng tăng. Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá cả nguyên vật liệu đến hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thương lượng với các nhà cung ứng về giá và chủ động thực hiện việc thu mua nguyên vật liệu để duy trì sự ổn định lâu dài về chi phí đầu vào cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

- ◊ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ◊ Tổ chức và nhân sự
- ◊ Tình hình đầu tư, tình hình thực các dự án
- ◊ Tình hình tài chính
- ◊ Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- ◊ Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT TRONG NĂM

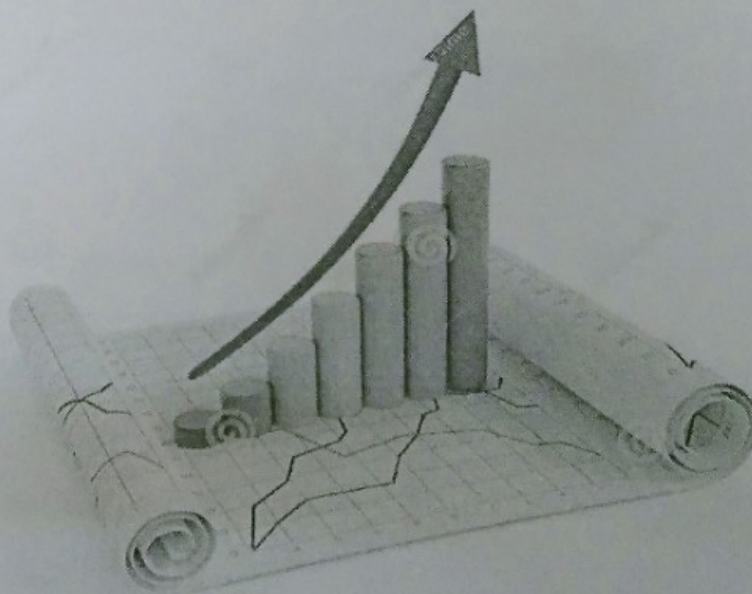
Kết quả hoạt động kinh doanh 2017 – 2018,

Đơn vị tính: đồng

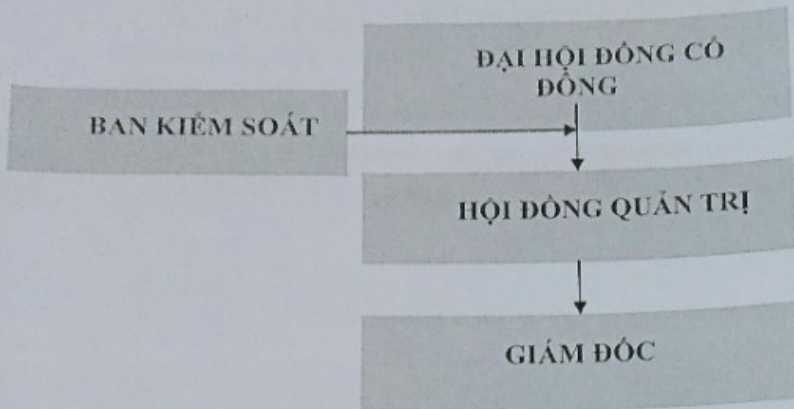
STT	Chỉ tiêu	Năm 2017 (Đã điều chỉnh)	Năm 2018	% tăng, giảm năm 2018/2017
1	Tổng giá trị tài sản	48.896.740.909	40.512.832.777	
2	Vốn chủ sở hữu	(17.208.423.899)	(27.287.600.465)	
3	Doanh thu thuần	42.522.783.424	43.289.993.767	
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	440.900.780	(8.793.879.847)	
5	Lợi nhuận khác	(95.457.977)	(1.285.296.719)	
6	Lợi nhuận trước thuế	345.442.803	(10.079.176.566)	
7	Lợi nhuận sau thuế	345.442.803	(10.079.176.566)	
8	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0%		
9	Giá trị sổ sách của cổ phiếu	355		

Năm 2018 thị trường gạch ngói và thị trường xây dựng có nhiều thay đổi và giảm sút so với năm 2017, một phần do các công trình xây dựng nhà nước bắt buộc dùng gạch không nung đòi hỏi Công ty phải có sự đầu tư bài bản, chiến lược đúng mới tồn tại phát triển, sự thay đổi về cơ cấu và chất lượng sản phẩm có nhiều ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, vì vậy qua số liệu báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 so năm 2017:

- ✓ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 10.424.619.369 đồng
- ✓ Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 9.234.780.627 đồng



2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và Điều lệ Công ty quy định. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

- **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

- **Giám đốc**

Giám đốc Công ty do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm hoặc quyết định thuê.

Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Số lượng cán bộ nhân viên và chính sách với người lao động
 Cơ cấu lao động: 164 người

Bảng 14- Cơ cấu lao động theo trình độ lao động

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Sau đại học	1	0.61%
2	Đại học khác	11	6.7%
3	Cao đẳng	3	1.83%
4	Công nhân kỹ thuật	147	89.64%
5	Lao động phổ thông	2	1.22%
	Tổng	164	100%

Chính sách với người lao động

Chính sách đối với người lao động:

- Công ty nghiêm túc thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động theo qui định của pháp luật hiện hành, tạo công ăn việc làm thường xuyên
- Thực hiện kí kết hợp đồng lao động 100% đối với người lao động làm việc trong công ty
- Tham gia 100% bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo qui định của pháp luật
- Thực hiện các chế độ cho người lao động như: Cấp đủ Bảo hộ lao động theo kế hoạch cho CBCNV, chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động
- Thực hiện việc chăm sóc sức khỏe ban đầu: Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, cải thiện tốt điều kiện làm việc cho công nhân như phục vụ đủ nước uống, quạt mát, dụng cụ sản xuất đủ theo yêu cầu
- Thực hiện việc nấu ăn ca cho người lao động thường xuyên
- Hằng năm, thực hiện nâng bậc lương cho người lao động,
- Thanh toán nhanh, dứt điểm tiền lương hàng tháng cho công nhân, đảm bảo thu nhập bình quân
- Mức lương bình quân năm 2017 là: 5.430.000 đồng/người
- Mức lương bình quân năm 2018 là: 5.567.000 đồng/người

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Duy trì đảm bảo sản xuất:

- Về công tác Bảo dưỡng và sửa chữa máy: Đảm bảo máy móc các phân xưởng hoạt động đạt hiệu suất >90%. Kết hợp giữa sửa chữa và bảo dưỡng nhỏ, cục bộ. Tuy nhiên vẫn còn tình trạng một số máy bị hỏng hóc dừng sản xuất.

✓ Đầu tư mới hạng mục:

- Sửa chữa hệ thống xe goòng.
- Sửa chữa cánh kính.
- Sửa chữa các công trình phụ trợ khác.....

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2017
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ NH)	Lần	0,33	0,43
- Hệ số thanh toán nhanh (TSNH-Hàng tồn kho)/Nợ NH	-	0,04	0,09
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/tổng tài sản	-		
- Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	-		
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho (Giá VHB/hàng tồn kho bq)	Vòng	1,99	1,57
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	-	1,07	0,87
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	0	0,008
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn CSH	-		
- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	-		0,007
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/ Doanh thu thuần	-		0,01

Qua các số liệu hoạt động SXKD của Công ty năm 2018 cho thấy

4.1. Chỉ tiêu khả năng thanh toán:

Hệ số thanh toán ngắn hạn đo lường khả năng thanh toán của công ty trong ngắn hạn tại một thời điểm. Hệ số thanh toán ngắn hạn cho thấy Năm 2018 công ty có 0,33 đồng tài sản ngắn hạn đảm bảo cho 1 đồng nợ ngắn hạn; giảm so với năm 2017 là 0,1 đồng chứng tỏ khả năng thanh toán trong ngắn hạn của công ty chưa cao.

Hệ số thanh toán nhanh đo lường khả năng thanh toán nhanh của công ty tại một thời điểm. Hệ số thanh toán nhanh cho thấy Năm 2018 công ty có 0,04 đồng tài sản đảm bảo cho 1 đồng nợ ngắn hạn.

5. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ; Danh sách cổ đông sáng lập; Cơ cấu cổ đông.

119

- Cơ cấu cổ đông tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 25/10/2019

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 25/10/2019

STT	Họ và tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ % trên VDL thực góp
I	Cổ đông trong nước	257	936.456	9.364.560.000	93,64
1	Tổ chức	16	518.240	5.182.400.000	51,82
2	Cá nhân	241	418.216	4.182.160.000	41,82
II	Cổ đông nước ngoài	8	35.557	355.570.000	3,56
1	Tổ chức	-	-	-	-
2	Cá nhân	8	35.557	355.570.000	3,56
III	Cổ phiếu quỹ	1	28.000	280.000.000	2,8
	Tổng Cộng	275	1.000.013	10.000.130.000	100

Nguồn: Số cổ đông công ty do VSD cập chốt tại ngày 25/10/2019

- Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% Vốn điều lệ

Bảng 4: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ tại thời điểm ngày 25/10/2019

STT	Tên Cổ đông	ĐKKD/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Tổng Công ty Viglacera – CTCP	0100108173	Tòa nhà số 1 Đại lộ Thăng Long, Hà Nội	511.711	5.117.110.000	51,17
2	Đình Quang Huy	035043000 037	53-55 Ngõ Huế, P. Ngô Thị Nhậm, Hai Bà Trưng, Hà Nội	95.579	955.790.000	9,56
3	Hàn Quốc Cường	011809087	21-T6 khu đô thị Nam Thăng Long, Tây Hồ, Hà Nội	58.600	586.000.000	5,86

Nguồn: Sổ cổ đông công ty do VSD cấp chốt tại ngày 25/10/2019

- Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 25/10/2019

Bảng 5: Danh sách cổ đông sáng lập tại thời điểm 25/10/2019

STT	Cổ đông sáng lập	Số lượng cổ phần năm giữ	Giá trị vốn cổ phần VNĐ	Tỷ lệ sở hữu
1	Tổng công ty Viglacera - CTCP	511.711	5.117.110.000	51,17
2	Phạm Văn Luyện	-	-	-
3	Dương Ngọc Dự	557	5.570.000	0,06
4	Mai Anh Tâm	16.700	167.000.000	1,67
5	Luyện Công Minh	1.114	11.140.000	0,11
6	Cổ đông khác	-	-	-

Nguồn: Sổ cổ đông công ty do VSD cấp chốt tại ngày 25/10/2019

5.2. Danh sách công ty mẹ, công ty con của Công ty, những công ty mà Công ty đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty:

- Công ty mẹ: Tổng Công ty Thủy tinh và Gốm xây dựng nay đổi tên thành Tổng Công ty Viglacera - CTCP
- Giấy CNĐKDN CTCP số 0100108173 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 22/07/2014
- Địa chỉ: Tầng 16, 17, Tòa nhà Viglacera, Số 1, Đại lộ Thăng Long, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - ✦ Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
 - ✦ Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật.
 - ✦ Đầu tư và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, hạ tầng đô thị; Kinh doanh phát triển nhà ("Kinh doanh bất động sản")
- Vốn điều lệ: 2.645.000.000.000 đồng (Hai nghìn sáu trăm bốn mươi lăm tỷ đồng)

Tỷ lệ nắm giữ của công ty mẹ (tại thời điểm 31/12/2018): nắm giữ 511.711 cổ phiếu, tương đương 51,17 % vốn điều lệ

- Công ty con
 - Không có
- Những công ty mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

- Những công ty nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Không có

6. BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty được sử dụng tiết kiệm, hiệu quả; Sử dụng những vật liệu tái chế vừa tiết kiệm, có lợi cho môi trường và xã hội; có lợi cho công ty: giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý, đầu tư hệ thống xử lý nước thải.

6.2. Tiêu thụ năng lượng

Công ty luôn chú trọng đến vấn đề tiết kiệm năng lượng; nâng cáo ý thức cán bộ công nhân viên trong việc sử dụng tiết kiệm điện; ưu tiên sử dụng bóng đèn compact tiết kiệm điện.

6.3. Tiêu thụ nước:

Về vấn đề xử lý nước thải: Công ty thu gom và xử lý nước thải đúng quy định, đảm bảo không ảnh hưởng môi trường xung quanh

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ và chủ động nắm bắt các quy định của pháp luật về môi trường; phổ biến cán bộ công nhân viên nắm bắt và thực hiện.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

Công ty có tổ chức cho cán bộ công nhân viên đi tham quan sau một năm làm việc vất vả. Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi và chế độ được quy định trong hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, được tham gia hoạt động công đoàn; đoàn thanh niên. Ngoài ra cán bộ công nhân viên trong Công ty còn được đào tạo, tham gia các khóa học tập huấn, trang bị kiến thức và thực hành về phòng chống chữa cháy.



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- ◊ Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- ◊ Tình hình tài chính
- ◊ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- ◊ Kế hoạch phát triển trong tương lai



1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
1.Doanh thu thuần	43.283.993.767	42.522.783.424
2.Giá vốn hàng bán	43.805.973.123	34.650.738.063
3.Lợi nhuận gộp	(521.979.356)	7.872.045.361
4.Doanh thu tài chính	1.493.055	1.480.315
5.Chi phí tài chính	2.906.310.051	2.584.923.084
6.Chi phí bán hàng	2.480.832.322	1.892.894.708
7.Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.886.251.173	2.954.807.104
8.Lợi nhuận từ hoạt động SXKD	(8.793.879.847)	440.900.780
9.Lợi nhuận khác	(1.285.296.719)	(95.457.977)
10.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.079.176.566)	345.442.803
11.Thuế TNDN hiện hành	0	0
12.Lợi nhuận sau thuế TNDN	(10.079.176.566)	345.442.803
13.Lãi cơ bản trên cổ phiếu(đồng)		355

Năm 2018 thị trường gạch ngói và thị trường xây dựng có nhiều thay đổi và giảm sút so với năm 2017, một phần do các công trình xây dựng nhà nước bắt buộc dùng gạch không nung đòi hỏi Công ty phải có sự đầu tư bài bản, chiến lược đúng mới tồn tại phát triển, sự thay đổi về cơ cấu và chất lượng sản phẩm có nhiều ảnh hưởng tích cực đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, vì vậy qua số liệu báo cáo kết quả kinh doanh năm 2018 so năm 2017:

- ✓ Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế giảm 10.424.619.369 đồng
- ✓ Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh giảm 9.234.780.627 đồng

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

2.1. Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017 (Đã điều chỉnh)
A. Tài sản ngắn hạn	27.847.443.486	27.847.443.486
I. Tiền	2.067.415.556	2.184.116.122
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	2.797.595.193	3.261.880.843
III. Hàng tồn kho	16.956.601.503	22.010.580.938
IV. Tài sản ngắn hạn khác	172.321.030	390.865.583
B. Tài sản dài hạn	18.518.899.495	21.049.297.423
I. Tài sản cố định	16.612.914.821	19.009.355.050
II. Tài sản dở dang dài hạn		
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
IV. Tài sản dài hạn khác	1.905.984.674	2.039.942.373
Tổng tài sản	40.512.832.777	48.896.740.909

2.2. Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2017
A. Nợ phải trả	67.800.433.242	66.105.164.808
I. Nợ ngắn hạn	67.124.728.242	64.809.459.808
II. Nợ dài hạn	675.705.000	1.295.705.000
B. Vốn chủ sở hữu	(27.287.600.465)	(17.208.423.899)
Tổng nguồn vốn	40.512.832.777	48.896.740.909

Về mặt số liệu tổng hợp trên Bảng Cân đối Kế toán phù hợp với số liệu sổ sách chi tiết.

3. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2018

3.1. Công tác phát triển sản phẩm

- ✓ Tiếp tục kiểm tra rà soát, hoàn thiện và phát triển danh mục sản phẩm của Công ty theo định hướng tạo ra các dòng sản phẩm có hiệu quả như ngói và các sản phẩm gạch trang trí, gạch trẻ.
- ✓ Nâng cao giá trị sản phẩm để hệ thống bán hàng có điều kiện phát triển, doanh số trên thị trường bán hàng và đem lại động lực cho nhân sự bán hàng trong hệ thống.

3.2. Công tác Marketing

- ✓ Phối hợp với tổ thực nghiệm ban hành quy trình thử nghiệm sản phẩm để công việc chuẩn xác hơn.
- ✓ Hoàn thiện và xây dựng hệ thống Quy trình, Quy chuẩn công việc để công tác Marketing hướng tới sự chuyên nghiệp, bài bản, hỗ trợ toàn bộ hệ thống bán hàng trong xây dựng các chương trình Marketing truyền thống, hiện đại phù hợp với các chương trình bán hàng, phân khúc thị trường, đối tượng bán hàng.
- ✓ Phát triển quảng bá, truyền thông, thu hút khách hàng tiềm năng qua các kênh trực tiếp, gián tiếp để thông tin về sản phẩm đến với người quan tâm tiện ích, thân thiện, gần gũi nhất trong tiếp cận.
- ✓ Xây dựng kênh bán hàng, và giới thiệu sản phẩm trên trang website của công ty.
- ✓ Xây dựng chương trình quảng cáo trên các phương tiện truyền thông cho các sản phẩm chiến lược như: Ngói và các sản phẩm trang trí....

3.3. Công tác xây dựng hệ thống bán hàng

Hoàn thiện và phát triển hệ thống bán hàng tại hai khu vực Miền Bắc – Miền Trung bằng các biện pháp cụ thể:

- ✓ Đào tạo các kỹ năng bán hàng, giao tiếp, kiến thức sản phẩm;
- ✓ Xây dựng chính sách bán hàng phù hợp với từng khu vực thị trường;
- ✓ Xây dựng chế độ khoán doanh số, thu nhập, chính sách đãi ngộ cho nhân sự bán hàng phù hợp để tạo động lực trong công tác bán hàng.

3.4. Chiến lược kinh doanh

Sau khi phân tích môi trường bên ngoài, môi trường bên trong chúng ta có thể rút ra những chiến lược phù hợp cho Công ty:

- ✓ Thách thức vị trí dẫn đầu
Chúng ta sẽ lấy các mô hình của các công ty dẫn đầu trong ngành gạch ngói tại Việt Nam, mổ xẻ mô hình, học tập họ những điểm mạnh, đặt ra mục tiêu và con đường để dần dần vươn lên bằng và vượt họ. Điều này liên quan đến mọi thứ (mô hình sản xuất, mô hình kinh doanh, sản phẩm, tài chính...)
- ✓ Xây dựng chọn lọc theo thế mạnh.
Phân tích những điểm nào, mặt nào là thế mạnh của chúng ta để phát triển, tập trung nguồn lực, không phát triển những mặt không có kinh nghiệm cũng như là điểm yếu.
- ✓ Củng cố những chỗ xung yếu.
Phát hiện những điểm yếu của doanh nghiệp, lên kế hoạch, tiến hành nâng dần để những điểm yếu trở thành trung bình hoặc mạnh.

✓ Tập trung đầu tư vào những phân khúc thị trường và sản phẩm có khả năng sinh lời lớn, rủi ro tương đối thấp.

Chúng ta sẽ chọn những sản phẩm dễ sản xuất, phổ thông, giá vừa phải, dễ sử dụng, vòng quay sản phẩm nhanh, chủ yếu bán kênh thương mại... Kèm theo việc phát triển, đầu tư vào hệ thống bán hàng, marketing.

Vì Công ty còn nhiều mặt yếu chúng ta sẽ chọn con đường học hỏi, bắt chước một cách thông minh, sáng tạo, có nghĩa là: nghiên cứu kỹ sản phẩm của các công ty khác, nghiên cứu kỹ thị trường, học tập những điểm tốt... và tạo ra sản phẩm phù hợp nhất với thị trường.

Điểm mấu chốt trong chiến lược sẽ là: vì nguồn lực về tài chính, con người của chúng ta có hạn chúng ta sẽ phát triển theo chiều ngang nhưng hẹp, điều đó có nghĩa là: chúng ta sẽ không đầu tư ngoài ngành, chúng ta sẽ không đầu tư vào các dự án xa rời những điểm mạnh của chúng ta. Trong 2 năm tới tập trung củng cố xây dựng lại những gì chúng ta đang có, loại bỏ những điểm yếu, phát triển điểm mạnh.

Chiến lược tăng trưởng theo chiều sâu: tìm cơ hội để nâng cao hiệu quả của doanh nghiệp bằng cách mở rộng sản phẩm và thị trường, xâm nhập những thị trường mới, tăng thị phần của những sản phẩm hiện có trên những thị trường hiện tại. Về sản xuất chúng ta sẽ phát triển những dây chuyền có sẵn, tập trung vào điểm mạnh, mở rộng sản xuất, cải tiến và hoàn thiện biến những dây chuyền sản xuất của chúng ta thành hiện đại, từ đó tạo khả năng sinh lời. Đây chính là chiến lược tăng trưởng với chi phí tài chính ít tốn kém nhất. Điều đó phù hợp với tình trạng tài chính của chúng ta.

3.5. Công tác kế hoạch và triển khai sản xuất

Liên tục hoàn thiện công tác kế hoạch và triển khai sản xuất bằng các biện pháp cụ thể:

- ✓ Hoàn thiện đội ngũ nhân sự cán bộ sản xuất phục vụ công tác;
- ✓ Hoàn thiện, xây dựng các Quy trình công việc phù hợp với thực tế và đảm bảo hiệu quả công việc;
- ✓ Lập kế hoạch cụ thể về Nguyên vật liệu, kế hoạch sản xuất cho năm, hàng tháng, hàng quý năm 2018 để tăng tính chủ động nhất trong các khâu phục vụ sản xuất.

3.6. Công tác Dự án - xây dựng, sửa chữa

- ✓ Máy dập nguội 22, nhà lò kéo dài, sân bê tông thành phẩm.
- ✓ Sân phơi SP mộc, hệ xe goòng, Nền nhà phơi mộc, máy dập nguội tự động, hầm sấy sơ cấp.

3.7. Công tác tài chính

Tìm phương án phù hợp để giải quyết bài toán Quy mô tài chính phù hợp, hiệu quả đáp ứng dòng đầu tư từ sản xuất, kinh doanh, phát triển quảng bá sản phẩm, sửa chữa nhà máy, máy móc thiết bị, hoạt động hỗ trợ sản xuất kinh doanh năm 2018 và những năm tới.

3.8. Công tác tổ chức

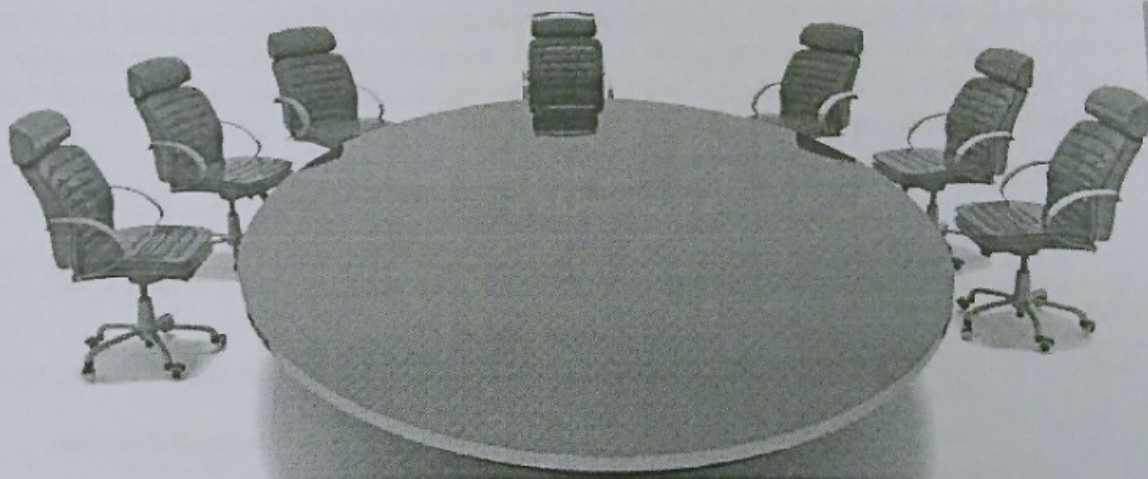
- ✓ Tiếp tục hoàn thiện hệ thống các văn bản quản trị nội bộ phù hợp và hiệu quả với mọi hoạt động của Công ty.
- ✓ Xây dựng hệ thống các tiêu chuẩn cụ thể đánh giá chất lượng lao động.

✓ Đầu tư trọng điểm cho nhân sự, cán bộ, nhân viên công ty trong mọi bộ phận luôn là yếu tố then chốt quyết định kết quả công việc.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- ❖ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
- ❖ Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



1. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1.1. Công tác phát triển sản phẩm

Trong năm 2018 các cuộc họp Chủ tịch Hội đồng Quản trị trực tiếp chủ trì nhiều nhất và hiệu quả nhất là công tác kiểm tra, hoàn thiện và phát triển sản phẩm hàng sản xuất của Công ty:

Hoàn thiện sản phẩm với chất lượng của sản phẩm được đặt lên hàng đầu bằng việc kiện toàn hệ thống nhà cung cấp nguyên vật liệu chất lượng, uy tín, ổn định

1.2. Công tác Marketing

- ✓ Lên kế hoạch, dự trù, đặt hàng phân bổ các sản phẩm, hỗ trợ bán hàng: quà tặng, hàng mẫu... cho bộ phận kinh doanh và đại lý;
- ✓ Xây dựng kế hoạch quảng cáo sản phẩm trên trang website của công ty.

1.3. Công tác xây dựng hệ thống bán hàng

Để phát triển hàng sản xuất của Công ty về lâu dài bên cạnh việc kiện toàn hệ thống chất lượng, kiện toàn sản xuất từ khâu đầu cho đến khâu cuối để tạo ra các sản phẩm có khả năng đi vào thị trường tốt thì việc xây dựng hệ thống bán hàng hiện đại là rất quan trọng. Trong năm 2018 Phòng Kinh doanh, xây dựng chính sách bán hàng và triển khai bán hàng hoàn thiện các kênh bán hàng theo hướng chủ động, tích cực đi thị trường và mở rộng thị trường.

1.4. Công tác hoàn thiện hệ thống xây dựng kế hoạch và triển khai sản xuất

Lập kế hoạch và triển khai sản xuất là công việc quan trọng để cung ứng hàng đạt yêu cầu về chất lượng, kịp thời cho các phòng bán hàng do đó trong năm 2018 Giám đốc, cán bộ quản lý sản xuất đã thực hiện tốt công tác cung ứng nguyên vật liệu, lập kế hoạch sản xuất, triển khai thực hiện kế hoạch, Các phân xưởng điều độ sản xuất đạt yêu cầu của thị trường.

1.5. Công tác tài chính

- ✓ Lập kế hoạch dự toán tài chính hàng tháng, quý năm từ các bộ phận để tổng hợp thành dự toán tài chính toàn công ty, với mục đích sử dụng hiệu quả nhất nguồn vốn kinh doanh.
- ✓ Năm 2018 Công ty thực hiện tốt các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, cổ đông, người lao động theo nghị quyết Đại hội cổ đông giao.
- ✓ Năm 2018 Công ty đã thuê Công ty kiểm toán AASC kiểm toán báo cáo tài chính theo đúng điều lệ quy định.

1.6. Công tác tổ chức

- ✓ Bổ nhiệm các cán bộ quản lý có năng lực, trách nhiệm, nhiệt tình phục vụ công tác quản lý của các bộ phận chức năng trong Công ty.
- ✓ Ban hành các Quy chế quản lý công ty theo Điều lệ và phù hợp thực tế để quản trị công ty khoa học, hiệu quả.
- ✓ Bổ sung thêm nhân sự có năng lực phù hợp yêu cầu công việc cho các bộ phận phục vụ công tác theo đúng Quy trình thi tuyển dụng công khai, minh bạch.
- ✓ Thực hiện nâng lương cho cán bộ, công nhân viên.

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong những năm tới, Công ty vẫn giữ vững và phát huy những kết quả đã đạt được trong nhiệm kỳ vừa qua, tiếp tục đầu tư mạnh mẽ về sản xuất, giữ vững ổn định về kinh doanh, mở rộng qui mô phát triển, tập trung toàn bộ năng lực có thể cả về sức lực và trí tuệ, tiền vốn để xây dựng và phát triển cả về sản xuất kinh doanh.

- ✓ Giữ vững ổn định và phát triển thị trường Tây Bắc và Miền Trung, tập trung trọng tâm vào thị trường các tỉnh khu vực phía Bắc, thị trường các tỉnh miền Trung.
- ✓ Nâng cao chất lượng sản phẩm, coi chất lượng sản phẩm là trách nhiệm đối với xã hội, mang tính quyết định cho sự tồn tại và phát triển Công ty.
- ✓ Đầu tư thích đáng vào sự phát triển nguồn nhân lực, yếu tố con người là quan trọng nhất, quyết định sự thành bại của Công ty.

Tập trung đào tạo đội ngũ đông đảo công nhân lành nghề, vận hành tốt máy móc thiết bị.

Tổ chức đội ngũ cán bộ công nhân viên-người lao động đông đảo, đoàn kết, đổi mới về kiến thức kỹ thuật, đoàn kết tâm huyết gắn bó với Công ty, lấy đó là động lực chủ yếu thúc đẩy Công ty phát triển.

Tạo dựng một môi trường hoạt động công bằng bình đẳng, khách quan, minh bạch trên tinh thần dân chủ, phát huy tốt quyền làm chủ tập thể của CBCNV - người lao động; thiết lập kỷ cương trong công tác điều hành, thực hiện tốt các quy chế quản lý của Công ty, để hàng năm đạt năng suất lao động cao, hiệu quả kinh tế tốt và lợi nhuận tăng từ 20 – 30%, năm sau cao hơn năm trước; sẽ đưa Công ty thành 1 doanh nghiệp có:

- ✓ Có thương hiệu và văn hóa tiên tiến.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ❖ Hội đồng quản trị
- ❖ Ban Kiểm soát
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

MANAGEMENT



1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1.1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

✓ Hội đồng quản trị giám sát Ban giám đốc trong việc thực hiện nghị quyết HĐQT, nghị quyết, quyết định đại hội cổ đông, các quy chế quản lý và điều lệ của Công ty đã ban hành.

✓ Hàng tháng HĐQT kiểm điểm công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh tháng trước và kế hoạch tháng, quý sau; nắm bắt kịp thời các bất cập, tồn tại và đề ra biện pháp khắc phục yêu cầu BGD thực hiện.

✓ Phê duyệt và giám sát việc cân đối về nguồn lực, vật lực, trang thiết bị để tổ chức sản xuất kinh doanh nhằm hoàn thành kế hoạch của Ban giám đốc điều hành.

1.2. Cơ cấu, thành phần Hội đồng quản trị

Họ tên	Chức vụ	Ghi chú
Ông Nguyễn Quý Tuấn	Chủ tịch HĐQT	Thành viên không điều hành
Ông Trần Hải Thuật	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
Ông Tường Quốc Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên điều hành
Ông Đinh Quang Huy	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành
Bà Đỗ Xuân Hòa	Thành viên HĐQT	Thành viên không điều hành

1. Ông: Nguyễn Quý Tuấn	Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	07/08/1965
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	011916731
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Đại mỗ - Nam Từ Liêm - Hà Nội
- Điện thoại:	0904.347.888
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Vật liệu xây dựng
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 09/1983 – tháng 08/1986	Chiến sỹ C12 – D3 – E141
Từ tháng 09/1986 – tháng 07/1991	Sinh viên Trường Đại học Xây dựng

Từ tháng 11/1992 - tháng 12/1998	Kỹ sư - Quản đốc Phân xưởng Công ty Gốm Xây dựng Hữu Hưng (nay là Công ty CP Viglacera Từ Liêm)
Từ tháng 01/1999 - tháng 09/2003	Phó giám đốc Công ty Gốm Xây dựng Hữu Hưng
Từ tháng 10/2003 - tháng 11/2009	Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm
Từ tháng 12/2009 - tháng 09/2010	Phó Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Viglacera
Từ tháng 10/2010 - 27/01/2014	Ủy viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Viglacera
Từ 28/01/2014 - 17/05/2014	Ủy viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Viglacera - CTCP, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ 18/05/2014 - 21/07/2014	Ủy viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Viglacera - CTCP, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh
Từ 22/07/2014 - nay	Thành viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn Tổng công ty Viglacera - CTCP, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh,
Từ 23/04/2015 đến nay	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Từ Liêm
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	- Thành viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn Tổng Công ty Viglacera - CTCP; - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Từ Liêm - Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Đông Anh

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

2. Ông: Trần Hải Thuật	Thành viên HĐQT
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	30/06/1978
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	012933163 cấp ngày 06/06/2008 tại CA Hà Nội
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	P203 nhà B6, Khu đô thị Mỹ Đình 1, tổ 9 phường Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại:	04 3883 2400
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 09/2011 - tháng 09/2006	Cán bộ kỹ thuật Công ty Gốm xây dựng Hữu Hưng
Từ tháng 10/2006 – tháng 03/2011	Phó Giám đốc nhà máy gạch Ngãi Cầu
Từ tháng 04/2011 – tháng 09/2015	Giám đốc nhà máy gạch Ngãi Cầu
Từ tháng 10/2015 – 01/03/2016	Phó giám đốc Ban gạch ngói Tổng Công ty cổ phần Viglacera, Thành viên HĐQT Công ty CP Viglacera Bá Hiến
Từ 02/03/2016 đến nay	Giám đốc Công ty CP Viglacera Đông Anh, Thành viên HĐQT Công ty CP Viglacera Bá Hiến
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Giám đốc Công ty CP Viglacera Đông Anh

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

3. Ông: Trương Quốc Tuấn	Chức vụ: Giám đốc, Thành viên HĐQT
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	25/07/1975
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	013041153
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tảo Dương Văn - Ứng Hòa - Hà Tây
- Điện Thoại:	0211.888500
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư vật liệu xây dựng
- Quá trình công tác:	
Từ T8/2000 đến T11/2002	Phó Quản Đốc Công ty gốm xây dựng Hữu Hưng
Từ T11/2002 đến T8/2007	Phó giám đốc nhà máy Công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ T8/2007 đến T10/2013	Giám đốc chi nhánh Viglacera Từ Liêm Công ty cổ phần Viglacera Từ Liêm
Từ T10/2013 đến T5/2014	Phó giám đốc Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ T5/2014 đến nay	Giám đốc công ty, thành viên HĐQT Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến.
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT, Giám đốc Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

4. Ông: Đinh Quang Huy	Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	28/08/1943
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	012620421
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Lam Hạ, Duy Tiên, Hà Nam
- Điện thoại:	0913.208.727
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư Hóa Silicat
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 07/1967 đến tháng 12/1974	Giáo viên trường Kiến Trúc Hà Tây.
Từ tháng 01/1975 đến tháng 12/1981	Phó phòng giáo vụ, Trưởng phòng giáo vụ Trường trung học số 4 – Bộ Xây Dựng.
Từ tháng 1/1982 đến tháng 08/1986	Phó GD xí nghiệp gạch Hữu Hưng- Hà Nội..
Từ tháng 09/1986 đến tháng 12/1993	Giám đốc xí nghiệp gạch Hữu Hưng- Hà Nội
Từ tháng 01/1994 đến tháng 3/1995	Giám đốc công ty gạch Hữu Hưng- Hà Nội
Từ tháng 4/1995 đến tháng 05/1995	Phó Tổng giám đốc TCT Thủy tinh và Gốm xây dựng.
Từ tháng 6/1995 đến tháng 05/2005	Tổng giám đốc TCT Thủy tinh và Gốm xây dựng
Từ tháng 06/2005 – 16/04/2009	về nghỉ hưu
Từ ngày 17/04/2009 đến nay	Thành viên HĐQT CTCP Gạch men Viglacera Thăng Long
Từ 22/04/2013 đến nay	Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Viglacera Hạ Long

Từ tháng 6/2013 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Viglacera Tiên Sơn
Từ 28/01/2014 đến nay	Thành viên HĐQT Công ty CP Viglacera Bá Hiến
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành - Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Thành viên HĐQT Công ty - Thành viên HĐQT Công ty CP Gạch men Viglacera Thăng Long; - Thành viên HĐQT độc lập Công ty CP Viglacera Hạ Long - Thành viên HĐQT Công ty CP Viglacera Tiên Sơn
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

5. Bà Đỗ Thị Xuân Hòa	Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	20/02/1975
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	135153394
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Đồng Xuân – Phúc Yên – Vĩnh Phúc
- Điện Thoại:	0211.888500
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Kinh tế - ĐH tài chính kế toán
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 10/1995 – 07/2003	Nhân viên kế toán công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 08/2003 – 09/2013	Kế toán trưởng, Thành viên HĐQT công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ tháng 10/2013 đến nay	Thành viên HĐQT công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thành viên HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	26200 cổ phần, chiếm 2,62% VDL
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Chồng: Dương Minh Uy sở hữu 2.431 cổ phần, chiếm 0,24% VDL
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

2. BAN KIỂM SOÁT

1. Ban kiểm soát

Họ tên	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Minh Trường	Thành viên ban kiểm soát
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên ban kiểm soát

1. Bà Nguyễn Thị Cẩm Vân	Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
- Giới tính:	Nữ
- Ngày sinh:	02/07/1972
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	012045771
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Số 37 ngõ 2 Giảng Võ, Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại:	0982.320.772
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân kinh tế - Đại học Tài Chính Kế toán
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 09/1993 – tháng 07/1996	Kiểm toán viên Công ty Kiểm toán Việt Nam VACO
Từ tháng 08/1996 – tháng 09/2005	Kế toán viên Tổng công ty Viglacera

Từ tháng 10/2005 – tháng 08/2011	Chuyên viên phòng kiểm soát nội bộ Tổng công ty Viglacera;
Từ tháng 09/2011 – 27/01/2014	Kiểm soát viên Tổng công ty Viglacera
Từ tháng 28/01/2014 – 21/07/2014	Kiểm soát viên Tổng công ty Viglacera, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Khoáng sản Viglacera, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Viglacera Từ Liêm, Trưởng BKS Công ty CP Viglacera Bá Hiến
Từ 22/07/2014 đến nay	Thành viên BKS Tổng Công ty Viglacera – CTCP, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Khoáng sản Viglacera, Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Viglacera Từ Liêm, Trưởng BKS Công ty CP Viglacera Bá Hiến
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng Ban Kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	- Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Khoáng sản Viglacera, từ ngày 28/01/2014; - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Viglacera Từ Liêm, từ ngày 28/01/2014; - Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Bao bì và Má phanh Viglacera, từ ngày 28/01/2014.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

2. Ông Nguyễn Minh Trường	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	28/08/1965
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	011518314
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Tân Dân, Sóc Sơn, Hà Nội
- Điện thoại:	0912.095.833
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Cử nhân luật
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 10/1989 – tháng 12/1992	Công nhân sản xuất công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 01/1993 – tháng 12/1994	Công nhân tổ cơ khí công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 01/1995 – tháng 10/1995	Nhân viên phòng hành chính công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 11/1995 – tháng 09/2003	Nhân viên kinh doanh công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 10/2003 – 27/01/2014	Nhân viên kinh doanh ông ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ 28/01/2014 – tháng 06/2014	Nhân viên kinh doanh, thành viên BKS Công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Tháng 07/2014 đến nay	Trưởng phòng kinh doanh, thành viên BKS Công ty cổ phần Viglacera bá hiến
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Trưởng phòng kinh doanh, thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty	Không

khác	
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

3. Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	
	Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát
- Giới tính:	Nam
- Ngày sinh:	26/02/1972
- Quốc tịch:	Việt Nam
- Số chứng minh nhân dân:	125443834
- Dân tộc:	Kinh
- Địa chỉ thường trú:	Bá Hiến, Bình Xuyên, Vĩnh Phúc
- Điện thoại:	0963.937.236
- Trình độ văn hóa:	12/12
- Trình độ chuyên môn:	Trung cấp nghề điện nước
- Quá trình công tác:	
Từ tháng 01/1995 – tháng 09/2001	Công nhân công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 10/2001 – tháng 12/2002	Tổ trưởng sản xuất công ty gốm xây dựng Xuân Hòa
Từ tháng 01/2003 – tháng 12/2007	Tổ trưởng sản xuất công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ tháng 01/2008 – 27/01/2014	Độc công sản xuất công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ 28/01/2014 – tháng 10/2015	Độc công sản xuất, thành viên BKS công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
Từ tháng 11/2015 đến nay	Thủ kho thành phẩm, thành viên BKS công ty cổ phần Viglacera Bá Hiến
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức phát hành	Thủ kho thành phẩm, thành viên BKS
- Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không

- Số cổ phần cá nhân nắm giữ	Không
- Những người có liên quan nắm giữ cùng cổ phiếu	Không
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở công ty khác	Không
- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Công ty	Không
- Các khoản nợ đối với Công ty	Không
- Hành vi vi phạm pháp luật	Không

2.1. Hoạt động của Ban kiểm soát

Thực hiện quy chế hoạt động của BKS, căn cứ điều lệ của công ty, BKS hoạt động độc lập nhưng vẫn theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Hàng quý, BKS họp và đánh giá các mặt hoạt động của công ty, đề ra các nhiệm vụ giám sát cụ thể của từng thành viên, các vấn đề cần tập trung giám sát, cụ thể: các NQ của HĐQT, việc điều hành của Ban giám đốc, đầu tư XD CB, thực hiện quy chế được, quản lý tài chính, báo cáo kế toán của các quý, năm, phân phối lợi nhuận,...

BKS đã tham gia, đóng góp ý kiến trong các cuộc họp HĐQT, cùng HĐQT xây dựng định hướng cho SXKD, đầu tư XD CB đạt hiệu quả.

3. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Hội đồng quản trị

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế (A)	0
2	Thù lao Hội đồng quản trị ($=3\% \times A$)	0

Ban Kiểm soát

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN (VNĐ)
1	Lợi nhuận sau thuế (A)	0
2	Thù lao của BKS ($=1\% \times A$)	0

Do công ty còn lỗ lũy kế nhiều nên không chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIỀN



Tưởng Quốc Tuấn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VIGLACERA BÁ HIẾN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 32
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 32

BÁO CÁO CỦA GIÁM ĐỐC

Giám đốc Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến tiền thân là Nhà máy Gạch Bá Hiến thuộc Công ty Gốm Xây dựng Xuân Hòa trực thuộc Tổng Công ty Thủy Tinh và Gốm Xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera - CTCP) được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222558 (số cũ là 1903000039) do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp đăng ký lần đầu ngày 24/09/2003, thay đổi lần thứ sáu ngày 13/05/2014.

Trụ sở chính của Công ty tại: xã Bá Hiến - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quý Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Hải Thuật	Thành viên
Ông Tường Quốc Tuấn	Thành viên
Bà Đỗ Thị Xuân Hòa	Thành viên
Ông Đinh Quang Huy	Thành viên

Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Tường Quốc Tuấn	Giám đốc
---------------------	----------

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Cẩm Vân	Trưởng Ban
Ông Đỗ Ngọc Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Trường	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến

Địa chỉ: xã Bá Hiến - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc

Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;

- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.



Tường Quốc Tuấn

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Số: 270319.011/BCTC. KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến được lập ngày 27/03/2019, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Tại thời điểm 31/12/2018, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 45,1 tỷ VND, lỗ lũy kế là 46,0 tỷ VND, tương ứng 460% vốn góp của chủ sở hữu. Những sự kiện này, cùng với các vấn đề được nêu ở Thuyết minh số 1, cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2019

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0762-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		21.993.933.282	27.847.443.486
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.067.415.556	2.184.116.122
111	1. Tiền		2.067.415.556	2.184.116.122
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.797.595.193	3.261.880.843
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	4.479.790.198	3.728.261.093
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		2.186.520	1.291.420.020
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	5	4.223.925.817	4.080.487.255
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.908.307.342)	(5.839.204.900)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	917.375
140	III. Hàng tồn kho	7	16.956.601.503	22.010.580.938
141	1. Hàng tồn kho		19.634.674.759	24.326.479.670
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.678.073.256)	(2.315.898.732)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		172.321.030	390.865.583
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	122.489.199	341.033.752
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		49.831.831	49.831.831
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		18.518.899.495	21.049.297.423
220	I. Tài sản cố định		16.612.914.821	19.009.355.050
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	16.612.914.821	19.009.355.050
222	- Nguyên giá		59.507.010.741	59.099.224.450
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(42.894.095.920)	(40.089.869.400)
260	II. Tài sản dài hạn khác		1.905.984.674	2.039.942.373
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	1.905.984.674	2.039.942.373
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		40.512.832.777	48.896.740.909

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		67.800.433.242	66.105.164.808
310	I. Nợ ngắn hạn		67.124.728.242	64.809.459.808
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	4.742.233.388	4.003.363.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		4.168.501	43.736.227
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	21.029.850.217	17.315.746.260
314	4. Phải trả người lao động		2.651.516.558	1.826.208.017
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	1.048.266.470	794.600.150
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	13	6.198.750.419	7.071.888.814
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	31.428.718.689	33.732.693.340
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		21.224.000	21.224.000
330	II. Nợ dài hạn		675.705.000	1.295.705.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	14	675.705.000	1.295.705.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(27.287.600.465)	(17.208.423.899)
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	(27.287.600.465)	(17.208.423.899)
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		10.000.130.000	10.000.130.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		10.000.130.000	10.000.130.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		1.364.112.282	1.364.112.282
415	3. Cổ phiếu quỹ		(280.000.000)	(280.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		7.640.929.865	7.640.929.865
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(46.012.772.612)	(35.933.596.046)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(35.933.596.046)	(36.279.038.849)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		(10.079.176.566)	345.442.803
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		40.512.832.777	48.896.740.909



Hoàng Thế Anh
Người lập biểu



Hoàng Thế Anh
Phụ trách kế toán



Tương Quốc Tuấn
Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	43.733.747.398	42.522.783.424
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18	449.753.631	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		43.283.993.767	42.522.783.424
11	4. Giá vốn hàng bán	19	43.805.973.123	34.650.738.063
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(521.979.356)	7.872.045.361
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính		1.493.055	1.480.315
22	7. Chi phí tài chính	20	2.906.310.051	2.584.923.084
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		2.906.310.051	2.584.923.084
25	8. Chi phí bán hàng	21	2.480.832.322	1.892.894.708
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	2.886.251.173	2.954.807.104
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(8.793.879.847)	440.900.780
31	11. Thu nhập khác	23	146.370.835	427.015.009
32	12. Chi phí khác	24	1.431.667.554	522.472.986
40	13. Lợi nhuận khác		(1.285.296.719)	(95.457.977)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(10.079.176.566)	345.442.803
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(10.079.176.566)	345.442.803
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(10.369)	355



Hoàng Thế Anh
Người lập biểu



Hoàng Thế Anh
Phụ trách kế toán




Trương Quốc Tuấn
Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 03 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(10.079.176.566)	345.442.803
	2. Điều chỉnh cho các khoản		6.140.320.482	5.123.070.766
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		2.804.226.520	2.653.644.998
03	- Các khoản dự phòng		431.276.966	(114.017.001)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.493.055)	(1.480.315)
06	- Chi phí lãi vay		2.906.310.051	2.584.923.084
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(3.938.856.084)	5.468.513.569
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		395.183.208	(964.226.161)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		4.691.804.911	(3.309.546.451)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		4.392.083.218	(3.875.136.843)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		352.502.252	(646.748.584)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(2.679.150.184)	(2.430.341.017)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(20.000.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		3.213.567.321	(5.777.485.487)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(407.786.291)	(2.204.011.680)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.493.055	1.480.315
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(406.293.236)	(2.202.531.365)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		41.108.534.396	67.524.223.368
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(44.032.509.047)	(57.650.323.192)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.923.974.651)	9.873.900.176

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2018

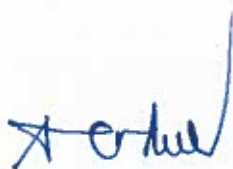
(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(116.700.566)	1.893.883.324
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.184.116.122	290.232.798
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	2.067.415.556	2.184.116.122



Hoàng Thế Anh
Người lập biểu



Hoàng Thế Anh
Phụ trách kế toán



Tưởng Quốc Tuấn
Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 03 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2018

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Viglacera Bá Hiến tiền thân là Nhà máy Gạch Bá Hiến thuộc Công ty Gốm Xây dựng Xuân Hòa trực thuộc Tổng Công ty Thủy Tinh và Gốm Xây dựng (nay là Tổng Công ty Viglacera - CTCP) được chuyển thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 14/08/2003 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2500222558 (số cũ là 1903000039) do Sở kế hoạch đầu tư Tỉnh Vĩnh Phúc cấp đăng ký lần đầu ngày 24/09/2003, thay đổi lần thứ sáu ngày 13/05/2014.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại : xã Bá Hiến - huyện Bình Xuyên - tỉnh Vĩnh Phúc.

Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.130.000 đồng (Mười tỷ một trăm ba mươi nghìn đồng chẵn), tương đương với 1.000.013 cổ phần. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất vật liệu từ đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Vận tải hàng hóa bằng xe tải, mua bán vật liệu xây dựng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty thực hiện chính sách chiết khấu sâu giá bán nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, nhờ đó sản lượng tiêu thụ năm 2018 là hơn 30,4 triệu viên (Quy tiêu chuẩn) tăng hơn 4,5 triệu viên so với năm 2017. Tuy vậy, do giá bán giảm sâu nên tổng doanh thu chỉ tăng nhẹ so với năm trước (tăng 761 triệu đồng tương đương tăng 2% so với 2017). Ngoài ra, do chi phí đầu vào tăng lên góp phần làm giá thành đơn vị sản phẩm tăng lên. Tổng thể các yếu tố này làm giá vốn hàng bán tăng mạnh, đẩy lợi nhuận gộp của Công ty trong năm âm 521 triệu đồng (Thuyết minh số 17 và 19). Bên cạnh đó, do áp lực thúc đẩy việc tiêu thụ sản phẩm, Công ty cũng phải tăng chiết khấu cho nhân viên bán hàng góp phần cho lợi nhuận năm nay giảm đáng kể.

Tại thời điểm 31/12/2018, nợ ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn của Công ty là 45,1 tỷ VND; lỗ lũy kế đến 31/12/2018 là 46,0 tỷ VND; vốn chủ sở hữu âm 27,2 tỷ VND. Những sự kiện này cho thấy có yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Công ty được trình bày dựa trên cơ sở giả định hoạt động liên tục do Công ty là công ty con của Tổng Công ty Viglacera - CTCP nên được Tổng Công ty hỗ trợ về vốn, công nghệ, nhân sự để đảm bảo hoạt động liên tục của Công ty. Do đó, Giám đốc Công ty đánh giá rằng các vấn đề nêu trên không ảnh hưởng đáng kể đến giả định về hoạt động liên tục của Công ty.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tính theo tỷ lệ sản phẩm hoàn thành trong đương.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	07 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 10 năm

2.8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và các chi phí trực tiếp khác. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.9. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.10. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.13. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá)

khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển:
Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:
Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

Các khoản chiết khấu thương mại cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.19. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí vay vốn. Khoản này được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

2.21. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.23. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	501.335.154	1.206.792.741
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.566.080.402	977.323.381
	2.067.415.556	2.184.116.122

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND		VND	
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty TNHH Thương mại Đông Á	279.342.518	(279.342.518)	279.342.518	(279.342.518)
- Nguyễn Tiến Công	287.971.314	(287.971.314)	287.971.314	(287.971.314)
- Các đối tượng khác	3.912.476.366	(3.022.346.111)	3.160.947.261	(2.953.243.669)
	4.479.790.198	(3.589.659.943)	3.728.261.093	(3.520.557.501)

5. PHẢI THU NGÁN HẠN KHÁC

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tạm ứng	941.445.242	-	960.683.796	-
Phải thu khác	3.282.480.575	(2.318.647.399)	3.119.803.459	(2.318.647.399)
- Phải thu tiền ứng thực hiện công trình	472.000.000	(472.000.000)	472.000.000	(472.000.000)
- Phải thu Công ty CP Thiết bị Máy công trình	765.575.000	(765.575.000)	765.575.000	(765.575.000)
- Phải thu Công Ty Kiến Trúc Bách Việt	553.896.575	(553.896.575)	553.896.575	(553.896.575)
- Phải thu Công ty Tiếp thị và Truyền thông Sao Mai	100.500.000	(100.500.000)	100.500.000	(100.500.000)
- Các khoản phải thu khác	1.390.509.000	(426.675.824)	1.227.831.884	(426.675.824)
	4.223.925.817	(2.318.647.399)	4.080.487.255	(2.318.647.399)

6. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Công ty CP Thiết bị Máy công trình	765.575.000	-	765.575.000	-
Phải thu Công Ty Kiến Trúc Bách Việt	553.896.575	-	553.896.575	-
Phải thu tiền ứng thực hiện công trình	472.000.000	-	472.000.000	-
Phải thu Công ty Tiếp thị và Truyền thông Sao Mai	100.500.000	-	100.500.000	-
Công ty TNHH Thương mại Đông Á	279.342.518	-	279.342.518	-
Nguyễn Tiến Công	287.971.314	-	287.971.314	-
Các đối tượng khác	3.465.780.549	16.758.614	3.407.002.599	27.083.106
	5.925.065.956	16.758.614	5.866.288.006	27.083.106

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	8.959.549.021	-	10.534.090.854	-
Công cụ, dụng cụ	93.692.781	-	29.253.395	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.352.626.663	(1.273.312.770)	6.668.935.416	(1.273.312.770)
Thành phẩm	6.228.806.294	(1.404.760.486)	7.094.200.005	(1.042.585.962)
	19.634.674.759	(2.678.073.256)	24.326.479.670	(2.315.898.732)

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	96.292.132	280.011.621
- Các khoản khác	26.197.067	61.022.131
	<u>122.489.199</u>	<u>341.033.752</u>
b) Dài hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	755.415.043	681.327.786
- Chi phí sửa chữa lớn	1.142.917.081	1.310.719.878
- Các khoản khác	7.652.550	47.894.709
	<u>1.905.984.674</u>	<u>2.039.942.373</u>

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	27.455.351.655	24.414.272.552			6.724.802.609		504.797.634		59.099.224.450	
- Đầu tư XD CB hoàn thành	407.786.291	-			-		-		407.786.291	
Số dư cuối năm	27.863.137.946	24.414.272.552			6.724.802.609		504.797.634		59.507.010.741	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	16.343.640.239	18.277.757.470			4.985.979.624		482.492.067		40.089.869.400	
- Khấu hao trong năm	1.259.321.850	992.023.380			530.575.723		22.305.567		2.804.226.520	
Số dư cuối năm	17.602.962.089	19.269.780.850			5.516.555.347		504.797.634		42.894.095.920	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	11.111.711.416	6.136.515.082			1.738.822.985		22.305.567		19.009.355.050	
Tại ngày cuối năm	10.260.175.857	5.144.491.702			1.208.247.262		-		16.612.914.821	

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 11.371.441.680 VND;
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 23.087.337.484 VND.

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẢN HẠN

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Cả trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Đình Phong	2.277.668.715	2.277.668.715	1.391.920.370	1.391.920.370
- Công ty TNHH Thăng Long	430.597.230	430.597.230	403.459.000	403.459.000
- Công ty TNHH Than Linh Anh	361.032.660	361.032.660	155.512.650	155.512.650
- Phải trả cho các đối tượng khác	1.672.934.783	1.672.934.783	2.052.470.980	2.052.470.980
	4.742.233.388	4.742.233.388	4.003.363.000	4.003.363.000
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)	254.293.500	254.293.500	280.539.000	280.539.000

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	8.025.050.780	2.106.061.612	400.404.284	-	9.730.708.108				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	686.816.518	-	-	-	686.816.518				
Thuế thu nhập cá nhân	-	39.379.225	73.271.109	-	-	112.650.334				
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	2.947.656.972	676.486.080	124.617.450	-	3.499.525.602				
Các loại thuế khác	-	5.616.842.765	1.386.306.890	3.000.000	-	7.000.149.655				
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	1.500.000	1.500.000	-	-				
	-	17.315.746.260	4.243.625.691	529.521.734	-	21.029.850.217				

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	802.417.005	575.257.138
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	109.485.824	173.888.467
- Chi phí phải trả khác	136.363.641	45.454.545
	1.048.266.470	794.600.150

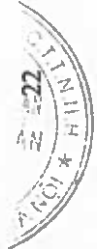
13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
a) Phải trả khác chi tiết theo số dư lớn		
Kinh phí công đoàn	63.909.626	295.464
Bảo hiểm xã hội	-	953.835.296
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	4.822.922.708	4.822.922.708
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	491.070.900	491.070.900
Phải trả người lao động phụ cấp độc hại, tiền ăn ca	100.802.829	130.282.489
Công ty CP Viglacera Hạ Long - Phí chuyển giao công nghệ	500.000.000	500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	220.044.356	173.481.957
	6.198.750.419	7.071.888.814
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
Bảo hiểm xã hội	-	742.608.761
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	4.822.922.708	4.822.922.708
Công ty CP Viglacera Hạ Long - Phí chuyển giao công nghệ	500.000.000	500.000.000
	5.322.922.708	6.065.531.469
c) Phải trả khác là các bên liên quan	5.322.922.708	5.322.922.708
<i>(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 31)</i>		

Công ty đang trong giai đoạn sản xuất kinh doanh khó khăn và bị lỗ nhiều năm nên dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh không đủ để chi trả khoản phí chuyển giao công nghệ phải trả Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long. Riêng khoản tiền phải trả Tổng Công ty Viglacera - CTCP là khoản tiền cho vay và một số khoản nợ khác Tổng Công ty chưa thu để hỗ trợ Công ty trong giai đoạn khó khăn.

14. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2018		Trong năm		31/12/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	33.112.693.340	33.112.693.340	41.108.534.396	43.412.509.047	30.808.718.689	30.808.718.689
- Vay ngắn hạn đối tượng khác	3.167.736.000	3.167.736.000	-	1.568.000.000	1.599.736.000	1.599.736.000
Vay dài hạn đến hạn trả	620.000.000	620.000.000	620.000.000	620.000.000	620.000.000	620.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	620.000.000	620.000.000	620.000.000	620.000.000	620.000.000	620.000.000
Tổng cộng	33.732.693.340	33.732.693.340	41.728.534.396	44.032.509.047	31.428.718.689	31.428.718.689
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	1.915.705.000	1.915.705.000	-	620.000.000	1.295.705.000	1.295.705.000
Tổng cộng	1.915.705.000	1.915.705.000	-	620.000.000	1.295.705.000	1.295.705.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(620.000.000)	(620.000.000)	(620.000.000)	(620.000.000)	(620.000.000)	(620.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.295.705.000	1.295.705.000			675.705.000	675.705.000



Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và các đối tượng khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo	31/12/2018	01/01/2018
				VND	VND
Vay ngắn hạn				30.808.718.689	33.112.693.340
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	VND	Thả nổi	Thế chấp	29.208.982.689	29.944.957.340
- Vay cá nhân	VND	7,5% - 8%	Tín chấp	1.599.736.000	3.167.736.000
				30.808.718.689	33.112.693.340

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	Hình thức đảm bảo	31/12/2018	01/01/2018
					VND	VND
Vay dài hạn						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên	VND	Thả nổi	2021	Thế chấp	1.295.705.000	1.915.705.000
					1.295.705.000	1.915.705.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng					(620.000.000)	(620.000.000)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng					675.705.000	1.295.705.000

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	10.000.130.000	1.364.112.282	(280.000.000)	7.640.929.865	(36.279.038.849)	(17.553.866.702)
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	345.442.803	345.442.803
Số dư cuối năm trước	10.000.130.000	1.364.112.282	(280.000.000)	7.640.929.865	(35.933.596.046)	(17.208.423.899)
Số dư đầu năm nay	10.000.130.000	1.364.112.282	(280.000.000)	7.640.929.865	(35.933.596.046)	(17.208.423.899)
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	(10.079.176.566)	(10.079.176.566)
Số dư cuối năm nay	10.000.130.000	1.364.112.282	(280.000.000)	7.640.929.865	(46.012.772.612)	(27.287.600.465)

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2018	Tỷ lệ	01/01/2018	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	5.117.110.000	51,17%	5.117.110.000	51,17%
Ông Đinh Quang Huy	955.790.000	9,56%	-	0,00%
Bà Nguyễn Thị Minh	-	0,00%	955.790.000	9,56%
Ông Hàn Quốc Cường	587.000.000	5,87%	587.000.000	5,87%
Các cổ đông khác	3.060.230.000	30,60%	3.060.230.000	30,60%
Vốn góp tương ứng với cổ phiếu quỹ	280.000.000	2,80%	280.000.000	2,80%
Cộng	10.000.130.000	100%	10.000.130.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	10.000.130.000	10.000.130.000
- Vốn góp cuối năm	10.000.130.000	10.000.130.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.013	1.000.013
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.000.013	1.000.013
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.000.013</i>	<i>1.000.013</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	28.000	28.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>28.000</i>	<i>28.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	972.013	972.013
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>972.013</i>	<i>972.013</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	7.640.929.865	7.640.929.865
	7.640.929.865	7.640.929.865

16. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty ký Hợp đồng thuê đất số 1940/HĐTD ngày 12/03/2012 thuê đất tại xã Bá Hiến, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc để sử dụng với mục đích làm trụ sở làm việc và sản xuất kinh doanh đến tháng 12/2046. Diện tích khu đất thuê là 141.642,7 m². Theo hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

17. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	43.733.747.398	42.522.783.424
- <i>Doanh thu bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung</i>	43.733.747.398	42.522.783.424
	43.733.747.398	42.522.783.424

18. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	449.753.631	-
	449.753.631	-

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	43.443.798.599	34.650.738.063
- <i>Giá vốn bán các sản phẩm gạch, ngói đất sét nung</i>	43.443.798.599	34.650.738.063
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	362.174.524	-
	43.805.973.123	34.650.738.063

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lãi tiền vay	2.906.310.051	2.584.923.084
	2.906.310.051	2.584.923.084

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.911.927.848	1.239.063.856
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.807.360	6.807.360
Chi phí khác bằng tiền	562.097.114	647.023.492
	2.480.832.322	1.892.894.708

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nhân công	1.604.802.858	1.995.722.544
Chi phí khấu hao tài sản cố định	22.786.018	52.030.872
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng	69.102.442	(114.017.001)
Chi phí khác bằng tiền	1.189.559.855	1.021.070.689
	2.886.251.173	2.954.807.104

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu từ xử lý công nợ	13.200.000	51.403.929
Thu tiền điện, nước sinh hoạt	107.368.000	117.178.364
Tiền phạt thu được	10.210.370	13.953.050
Hoàn nhập lương phép đã trích thừa các năm trước	-	107.654.829
Ghi nhận thu nhập từ kiểm kê thừa	11.607.509	88.289.837
Các khoản khác	3.984.956	48.535.000
	146.370.835	427.015.009

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Phạt chậm nộp thuế	1.383.306.890	381.015.028
Phạt chậm nộp bảo hiểm	48.360.664	71.886.879
Xử lý công nợ	-	60.947.939
Các khoản khác	-	8.623.140
	1.431.667.554	522.472.986

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(10.079.176.566)	345.442.803
Các khoản điều chỉnh tăng	4.407.080.047	1.970.760.096
- Chi phí lãi vay vượt quá 20% của tổng lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cộng với chi phí lãi vay, chi phí khấu hao	2.906.310.051	1.449.029.312
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi	69.102.442	7.880.938
- Các khoản tiền phạt	1.431.667.554	452.901.907
- Xử lý công nợ	-	60.947.939
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(2.316.202.899)
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi đã tính thuế các năm trước	-	(121.897.939)
- Chuyển lỗ các năm trước	-	(2.194.304.960)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(5.672.096.519)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	686.816.518	706.816.518
Thuế TNDN đã nộp trong năm	-	(20.000.000)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	686.816.518	686.816.518

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(10.079.176.566)	345.442.803
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(10.079.176.566)	345.442.803
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	972.013	972.013
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(10.369)	355

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.791.180.671	16.015.537.399
Chi phí nhân công	16.386.195.341	16.898.172.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.804.226.520	2.653.644.998
Trích lập/ Hoàn nhập dự phòng	69.102.442	(114.017.001)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.872.139.706	4.138.860.854
Chi phí khác bằng tiền	7.706.334.950	7.547.461.109
Tổng chi phí sản xuất kinh doanh	45.629.179.630	47.139.660.204

28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền	2.067.415.556	-	2.184.116.122	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	8.703.716.015	(5.908.307.342)	7.808.748.348	(5.839.204.900)
	10.771.131.571	(5.908.307.342)	9.992.864.470	(5.839.204.900)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	32.104.423.689	35.028.398.340
Phải trả người bán, phải trả khác	10.940.983.807	11.075.251.814
Chi phí phải trả	1.048.266.470	794.600.150
	44.093.673.966	46.898.250.304

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Tiền	2.067.415.556	-	-	2.067.415.556
Phải thu khách hàng, phải thu khác	2.795.408.673	-	-	2.795.408.673
Cộng	4.862.824.229	-	-	4.862.824.229
Tại ngày 01/01/2018				
Tiền	2.184.116.122	-	-	2.184.116.122
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.969.543.448	-	-	1.969.543.448
Cộng	4.153.659.570	-	-	4.153.659.570

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2018				
Vay và nợ	31.428.718.689	675.705.000	-	32.104.423.689
Phải trả người bán, phải trả khác	10.940.983.807	-	-	10.940.983.807
Chi phí phải trả	1.048.266.470	-	-	1.048.266.470
	43.417.968.966	675.705.000	-	44.093.673.966
Tại ngày 01/01/2018				
Vay và nợ	33.732.693.340	1.295.705.000	-	35.028.398.340
Phải trả người bán, phải trả khác	11.075.251.814	-	-	11.075.251.814
Chi phí phải trả	794.600.150	-	-	794.600.150
	45.602.545.304	1.295.705.000	-	46.898.250.304

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

29. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	41.108.534.396	67.524.223.368

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	44.032.509.047	57.650.323.192

30. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2018	Năm 2017
		VND	VND
Mua nguyên vật liệu			
Công ty Cổ phần Vật liệu chịu lửa Viglacera Cầu Đuống	Cùng Công ty mẹ	123.771.900	-
Chi phí in lịch			
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ	13.625.000	21.800.000
Chi phí đào tạo			
Trường Cao đẳng Nghề Viglacera	Cùng Công ty mẹ	10.000.000	12.000.000

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2018	01/01/2018
		VND	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn		254.293.500	280.539.000
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ	65.367.500	50.380.000
Công ty Cổ phần Viglacera Hà Nội	Cùng Công ty mẹ	95.624.000	95.624.000
Công ty Cổ phần Viglacera Từ Liêm	Cùng Công ty mẹ	93.302.000	93.302.000
Trường Cao đẳng Nghề Viglacera	Cùng Công ty mẹ	-	41.233.000
Phải trả ngắn hạn khác		5.322.922.708	5.322.922.708
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	Công ty mẹ	4.822.922.708	4.822.922.708
Công ty Cổ phần Viglacera Hạ Long	Cùng Công ty mẹ	500.000.000	500.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Thu nhập của Giám đốc	209.000.000	216.700.000

32. SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Hoàng Thế Anh
Người lập biểu



Hoàng Thế Anh
Phụ trách kế toán



Trương Quốc Tuấn
Giám đốc

Vĩnh Phúc, ngày 27 tháng 03 năm 2019

